

BẢN SAO

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM PETROLIMEX
(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2009

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 24-08-2010
Số chứng thực: 5667, Quyền số: SCT/BS.



CHỦ TỊCH
Chu Mạnh Cường

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 21

10203
CỘNG HÒA
XHCN VIỆT
NAM
ĐỒNG ĐA

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM PETROLIMEX

532 đường Láng, quận Đống Đa,
Hà Nội, CNHXCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex (PJICO) (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này, bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Tiến	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 10/6/2009)
Ông Bùi Ngọc Bảo	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 10/6/2009)
Bà Nguyễn Thu Hà	Phó chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 15/5/2009)
Ông Nguyễn Anh Dũng	Thành viên
Ông Trịnh Quang Tuyền	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 15/5/2009)
Ông Trần Quốc Hùng	Thành viên
Ông Vũ Bá Ôn	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Bình	Thành viên
Ông Đinh Thái Hương	Thành viên
Ông Đào Nam Hải	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 15/5/2009)
Ông Nguyễn Danh Lương	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 15/5/2009)
Ông Trần Minh Tuấn	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 15/5/2009)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Anh Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Đào Nam Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn An Hòa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Đức Hùng	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Anh Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2010

Số 212 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Kính gửi: Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cổ đông
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex (gọi tắt là "Công ty") cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 01, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Chúng tôi xin lưu ý vấn đề sau:

Như đã trình bày tại thuyết minh số 29 "Công nợ tiềm tàng" của phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Báo cáo tài chính kèm theo chưa bao gồm khoản thuế nhà thầu có thể phải nộp nếu Công ty nhận được quyết định cuối cùng của Ban chấp hành và Tổng Cục thuế.



Trưởng Anh Hùng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0029/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 25 tháng 03 năm 2010
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Minh Hùng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0294/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mẫu B 01-DNBH
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008
A. TÀI SẢN LƯU ĐỘNG VÀ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN	100		830.067.986.549	740.722.330.963
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		204.612.867.448	225.136.716.617
1. Tiền mặt tại quỹ	111		9.411.474.155	8.906.618.089
2. Tiền gửi ngân hàng	112		68.683.895.417	78.167.008.328
3. Tiền đang chuyển	113		117.497.876	63.090.200
4. Các khoản tương đương tiền	114		126.400.000.000	138.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	430.399.459.104	354.293.534.202
1. Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	121		100.000.000	100.000.000
2. Đầu tư ngắn hạn khác	128		430.299.459.104	354.193.534.202
III. Các khoản phải thu	130		142.852.791.832	107.471.899.240
1. Phải thu của khách hàng	131	6	118.093.833.145	70.645.111.244
2. Trả trước cho người bán	132		670.836.419	1.631.508.870
3. Các khoản phải thu khác	135	7	28.910.431.890	40.184.961.682
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	8	(4.822.309.622)	(4.989.682.556)
IV. Hàng tồn kho	140		15.403.106.022	23.255.847.490
1. Hàng tồn kho	141	9	15.403.106.022	23.255.847.490
V. Tài sản lưu động khác	150		36.799.762.143	30.564.333.414
1. Tạm ứng	151		26.094.888.573	20.497.072.069
2. Chi phí trả trước	152		9.909.634.757	9.671.285.344
3. Tài sản thiếu chờ xử lý	153		134.433.779	66.786.001
4. Các khoản thế chấp, ký cược ngắn hạn	154		660.805.034	329.190.000
B. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN	200		404.489.110.222	274.163.479.358
I. Tài sản cố định	210		133.175.118.656	121.245.668.603
1. Tài sản cố định hữu hình	211	10	60.265.127.610	51.342.159.287
- Nguyên giá	212		103.252.201.102	87.054.634.096
- Giá trị hao mòn lũy kế	213		(42.987.073.492)	(35.712.474.809)
2. Tài sản cố định vô hình	217	12	72.909.991.046	69.903.509.316
- Nguyên giá	218		73.774.510.127	70.680.847.642
- Giá trị hao mòn lũy kế	219		(864.519.081)	(777.338.326)
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	220		215.763.520.800	130.515.150.300
1. Đầu tư chứng khoán dài hạn	221	11	112.578.959.600	100.276.460.600
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	222	13	78.820.650.000	12.902.490.000
3. Các khoản đầu tư dài hạn khác	228	14	46.650.690.000	45.150.690.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	229	11	(22.286.778.800)	(27.814.490.300)
III. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	15	46.127.838.708	12.047.173.060
IV. Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	240		6.835.702.475	6.484.613.175
1. Ký quỹ dài hạn	241		6.835.702.475	6.484.613.175
V. Chi phí trả trước dài hạn			2.586.929.583	3.870.874.220
1. Chi phí trả trước dài hạn	242		2.586.929.583	3.870.874.220
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	250		1.234.557.096.771	1.014.885.810.321

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 21 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mẫu B 01-DNBH
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	31/12/2008
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		815.333.200.854	600.547.523.337
I. Nợ ngắn hạn	310		129.899.060.320	54.354.001.551
1. Phải trả cho người bán	313	16	21.218.735.125	8.545.605.247
2. Người mua trả tiền trước	314		2.797.127.300	2.854.387.879
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	315	17	17.037.054.441	17.470.998.672
4. Phải trả công nhân viên	316		22.784.938.464	19.329.190.907
5. Các khoản phải trả khác	318	18	66.061.204.990	6.153.818.846
II. Dự phòng nghiệp vụ	330	20	684.048.833.072	545.104.817.733
1. Dự phòng phí	331		505.784.547.665	399.576.600.040
2. Dự phòng bồi thường	333		55.369.368.963	54.348.769.963
3. Dự phòng dao động lớn	334		122.894.916.444	91.179.447.730
III. Nợ khác	340		1.385.307.462	1.088.704.053
1. Chi phí phải trả	341		1.033.084.949	1.033.084.949
2. Nhận ký cược, ký quỹ dài hạn	343		352.222.513	55.619.104
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	19	419.223.895.917	414.338.286.984
I. Nguồn vốn - quỹ	410		414.385.545.358	410.387.276.524
1. Nguồn vốn kinh doanh	411		338.322.120.000	338.472.000.000
2. Chênh lệch tỷ giá	413		1.020.285.672	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	414		19.709.572.160	17.581.387.209
4. Quỹ dự trữ bắt buộc	416		12.496.654.267	10.247.253.319
5. Lợi nhuận chưa phân phối	419		42.836.913.259	44.086.635.996
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	420		4.838.350.559	3.951.010.460
1. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	422		4.838.350.559	3.951.010.460
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		1.234.557.096.771	1.014.885.810.321

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU B 01-DNBH
Đơn vị: VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	31/12/2009	31/12/2008
1. Hợp đồng bảo hiểm gốc chưa phát sinh trách nhiệm	320.898.855.629	241.746.645.755
2. Hợp đồng nhận tái bảo hiểm chưa phát sinh trách nhiệm		
Phí nhận tái bảo hiểm	111.968.171.379	26.369.062.688
Thu hoàn hoa hồng nhận tái	5.393.351.520	17.065.820
Thu phí đặt cọc	7.169.667.825	-
Chi bồi thường nhận tái	25.167.747.368	4.278.360.763
Chi hoa hồng nhận tái	42.698.431.379	5.698.396.204
Chi hoàn phí nhận tái	1.168.162.687	173.924.642
Thuế nhà thầu hoạt động nhận tái	27.038.775	-
Phí nhận tái bị giữ lại (đặt cọc)	37.289.787.925	-
3. Hợp đồng nhượng tái bảo hiểm chưa phát sinh trách nhiệm		
Chi phí nhượng tái	143.403.336.032	113.953.324.106
Chi hoàn hoa hồng nhượng tái	361.334.160	2.989.658.779
Chi hoàn thu bồi thường nhượng tái	164.794.542	707.855.490
Thu hoa hồng nhượng tái	36.415.526.932	29.445.710.890
Thu bồi thường nhượng tái	22.960.077.179	15.945.153.952
Thu hoàn phí nhượng tái	5.013.982.911	10.767.350.245
Thuế nhà thầu hoạt động nhượng tái	1.040.991.925	-



Nguyễn Anh Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2010

Đinh Kiều Trang
Trưởng phòng Tài chính Kế toán

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mẫu B 02a-DNBH
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
1. Thu phí bảo hiểm gốc	01		1.297.830.078.244	1.069.750.856.581
2. Thu phí nhận tái bảo hiểm	02		91.359.156.472	62.249.714.859
3. Các khoản giảm trừ:	03		348.132.285.912	281.395.683.752
- Phí nhượng tái bảo hiểm	04		337.681.274.102	273.129.303.149
- Hoàn phí nhận tái	05		1.292.867.552	594.910.622
- Hoàn hoa hồng nhượng tái	06		3.432.709.308	990.942.243
- Hoàn phí bảo hiểm gốc	07		5.725.434.950	6.680.527.738
4. Tăng dự phòng phí	08	20	106.207.947.625	53.831.818.299
5. Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	09		83.045.282.502	59.702.055.718
6. Thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm:	10		15.162.847.223	5.173.480.100
- Thu khác nhận tái bảo hiểm	11		870.845.085	-
- Thu nhượng tái bảo hiểm	12		12.692.632.362	3.394.512.617
- Thu khác (đội lý, giám định...)	13		1.599.369.776	1.778.967.483
7. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	14		1.033.057.130.904	861.648.605.207
8. Chi bồi thường bảo hiểm gốc	15		517.536.734.158	396.429.212.609
9. Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	16		27.777.823.751	41.561.807.419
10. Các khoản giảm trừ:	17		78.051.700.304	61.421.446.255
- Thu hồi thường nhượng tái bảo hiểm	18		70.306.282.592	55.554.264.647
- Thu đòi người thứ ba	19		5.760.898.515	5.453.819.732
- Thu hàng xử lý bồi thường 100%	20		175.488.979	413.361.876
- Thu giảm chi bồi thường khác	20		1.809.030.218	-
11. Bồi thường thuộc phần trách nhiệm giữ lại	21		467.262.857.605	376.569.573.773
12. Tăng dự phòng bồi thường	23	20	1.020.599.000	14.336.519.664
13. Số trích dự phòng dao động lớn trong năm	24	20	31.715.468.714	25.649.710.276
14. Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm:	25		177.522.498.343	159.915.515.998
14.1 Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc	26		158.835.833.716	146.915.882.055
- Chi hoa hồng bảo hiểm gốc	27		118.890.728.562	100.395.328.599
- Chi giám định tổn thất	28		11.067.106.376	5.764.942.775
- Chi đòi người thứ ba	29		1.335.519.759	1.941.347.410
- Chi xử lý hàng bồi thường 100%	30		10.090.909	40.840.030
- Chi đánh giá rủi ro đối tượng bảo hiểm	31		30.554.000	61.260.359
- Chi để phòng hạn chế tổn thất	32		23.055.493.294	23.742.169.508
- Chi khác	33		4.446.340.816	14.969.993.374
14.2 Chi khác hoạt động kinh doanh nhận tái bảo hiểm	34		18.686.664.627	12.999.633.943
- Chi hoa hồng	35		18.603.676.601	12.999.633.943
- Chi khác	38		82.988.026	-
15. Tổng chi trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	41		677.521.423.662	576.471.319.711
16. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	42		355.535.707.242	285.177.285.496
17. Chi phí bán hàng	43		145.341.446.536	110.334.649.365
18. Chi phí quản lý doanh nghiệp	44		208.326.626.646	173.486.819.005
19. Lợi nhuận hoạt động kinh doanh bảo hiểm	45		1.867.634.060	1.355.817.126
20. Doanh thu hoạt động tài chính	46	21	58.944.759.365	82.042.581.569
21. Chi phí hoạt động tài chính	47	22	3.861.978.012	29.097.857.856
22. Lợi nhuận hoạt động tài chính	51		55.082.781.353	52.944.723.713
23. Thu nhập hoạt động khác	52		84.422.711.647	54.030.816.723
24. Chi phí hoạt động khác	53		83.754.094.005	53.331.107.263
25. Lợi nhuận hoạt động khác	54	23	668.617.642	699.709.460
26. Tổng lợi nhuận kế toán	55		57.619.033.055	55.000.250.299
27. Điều chỉnh (giảm) lợi nhuận chịu thuế	56		(7.508.851.400)	(10.953.371.904)
28. Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	59		50.110.181.655	44.046.878.395
29. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	60	24	12.527.545.414	12.410.590.724
30. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	61		45.091.487.641	42.589.659.575
31. Lợi nhuận sau thuế	70	25	1.346	1.335



Nguyễn Anh Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2010

Đinh Kiều Trang
Trưởng phòng Tài chính Kế toán

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 21 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mẫu B 03-DNBH

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2009	Năm 2008
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu phí và hoa hồng	01	1.175.556.052.305	931.623.279.202
2. Tiền thu từ các khoản nợ phí và hoa hồng	02	126.993.937.388	103.464.192.831
3. Tiền thu từ các khoản thu được giảm chi	03	6.739.525.522	14.706.935.174
4. Tiền thu từ các hoạt động kinh doanh khác	04	351.920.125.490	257.490.978.345
5. Trả tiền bồi thường bảo hiểm	05	(434.812.919.340)	(323.749.141.889)
6. Trả tiền hoa hồng và các khoản nợ khác của kinh doanh BH	06	(118.546.137.616)	(95.659.712.016)
7. Trả tiền cho người bán, người cung cấp dịch vụ	07	(271.091.425.342)	(256.738.213.564)
8. Trả tiền cho cán bộ công nhân viên	08	(98.384.915.830)	(78.804.458.655)
9. Trả tiền nộp thuế và các khoản nợ nhà nước	09	(108.651.461.187)	(68.776.775.807)
10. Trả tiền cho các khoản nợ khác	10	(344.566.908.165)	(317.916.540.525)
11. Tiền tạm ứng cho CBCNV và ứng trước cho người bán	11	(133.095.531.096)	(111.146.561.412)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD	20	152.060.342.129	54.493.981.684
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền thu từ các khoản đầu tư vào đơn vị khác	21	386.559.406.878	1.972.502.621.951
2. Tiền thu từ lãi các khoản đầu tư khác	22	51.883.100.392	78.468.394.056
3. Tiền gửi và đầu tư góp vốn trong năm	24	(563.369.108.085)	(2.172.862.044.800)
4. Tiền mua tài sản cố định	25	(12.622.390.882)	(15.829.347.338)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(137.548.991.697)	(137.720.376.131)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu do đi vay	31	-	850.000.000
2. Tiền thu do các chủ sở hữu góp vốn	32	-	197.939.340.000
3. Tiền thu từ lãi tiền gửi	33	559.697.399	1.863.712.207
4. Tiền đã trả nợ vay	34	-	(850.000.000)
5. Tiền đã hoàn vốn cho các chủ sở hữu	35	(21.000.000)	-
6. Tiền lãi đã trả cho các nhà đầu tư vào doanh nghiệp	36	(35.573.897.000)	(20.751.568.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(35.035.199.601)	179.051.483.707
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(20.523.849.169)	95.825.089.260
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu năm	60	225.136.716.617	129.311.627.357
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối năm	70	204.612.867.448	225.136.716.617



Nguyễn Anh Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2010

Đinh Kiều Trang
Trưởng phòng Tài chính kế toán

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-ĐNBH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex (PJICO) (gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Giấy phép số 1873/GP-UB ngày 8 tháng 6 năm 1995 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp với thời gian hoạt động là 25 năm bắt đầu từ năm 1995. Vốn điều lệ của Công ty là 53 tỷ đồng. Công ty được cấp Giấy chứng nhận đủ tiêu chuẩn và điều kiện hoạt động kinh doanh bảo hiểm số 06/TC/GCN ngày 27 tháng 05 năm 1995 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Ngày 15 tháng 4 năm 2004, Công ty đã được Bộ Tài chính cấp Giấy phép điều chỉnh số 06/GPĐC12/KDBH cho phép Công ty bổ sung vốn điều lệ là 70 tỷ đồng.

Ngày 21 tháng 12 năm 2006, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp giấy phép sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 060256 cho phép Công ty bổ sung vốn điều lệ là 140 tỷ đồng.

Ngày 07 tháng 04 năm 2008, Công ty được Bộ Tài chính cấp Giấy phép điều chỉnh số 06/GPĐC22/KDBH chấp thuận vốn điều lệ của Công ty là 335.099.010.000 đồng.

Số vốn thực góp của cổ đông của Công ty tại ngày 31/12/2009 như sau:

	Theo Giấy phép hoạt động		Số vốn thực góp đến 31/12/2009 (VND)
	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)	
Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam	171.360.000.000	51,0%	171.360.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	33.600.000.000	10,0%	33.600.000.000
Tổng Công ty Thép Việt Nam	20.160.000.000	6,0%	20.160.000.000
Tổng Công ty CP Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam	29.421.360.000	8,8%	29.421.360.000
Công ty Vật tư và Thiết bị toàn bộ	10.080.000.000	3,0%	10.080.000.000
Công ty Điện tử Hà Nội	1.680.000.000	0,5%	1.680.000.000
Cổ đông khác	69.498.400.000	20,7%	69.498.400.000
Cộng	335.799.760.000	100%	335.799.760.000
Cổ phiếu quỹ	(700.750.000)		(974.590.000)
Tổng cộng	335.099.010.000		334.825.170.000

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 1.250 người (31/12/2008 là 1.200 người).

Công ty có Văn phòng chính tại tòa nhà số 532 đường Láng (Hà Nội), Hội sở giao dịch tại Hà Nội và 51 chi nhánh.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ, các nghiệp vụ về tái bảo hiểm và đầu tư tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DNBH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Các chi nhánh của Công ty thực hiện hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở cộng hợp các báo cáo tài chính của các Chi nhánh và báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty sau khi bù trừ công nợ nội bộ.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. ÁP DỤNG CÁC CHUẨN MỰC VÀ HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Chênh lệch tỷ giá

Ngày 15 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 201/2009/TT-BTC hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư số 201/2009/TT-BTC quy định việc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối niên độ kế toán có sự khác biệt so với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ không được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Trong trường hợp Công ty bị lỗ, công ty có thể phân bổ một phần khoản lỗ chênh lệch tỷ giá trong vòng 5 năm tiếp theo sau khi đã trừ đi phần chênh lệch tỷ giá phát sinh tương ứng với phần nợ dài hạn đến hạn trả.

So với việc áp dụng theo VAS 10, việc áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC làm cho lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 giảm 1.020.285.672 đồng và khoản mục “chênh lệch tỷ giá hối đoái” trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 31/12/2009 tăng một khoản tương ứng. Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn của VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DNBH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng các khoản phải thu đã được xem xét trích lập dự phòng đầy đủ và phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2009, Công ty trích lập dự phòng nợ quá hạn đối với các khoản đầu tư cho vay quá hạn theo hướng dẫn tại Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22 tháng 04 năm 2005 của Ngân hàng Nhà nước.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm tiền thuê nhà tại Văn phòng Công ty, thuê nhà tại các chi nhánh và các chi phí trả trước dài hạn khác.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2009
	(Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	20
Phương tiện vận tải	6 - 7
Thiết bị văn phòng	3

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế, thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính. Trong đó, quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất, quyền sử dụng đất vô thời hạn được trình bày theo nguyên giá, không trích khấu hao hàng năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ B 09-DNBH***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Các khoản đầu tư**

Các khoản đầu tư bao gồm tiền gửi ngân hàng (ngắn hạn và dài hạn), các khoản góp vốn cổ phần, cho vay được ghi nhận theo phương pháp giá gốc gồm giá mua cộng chi phí liên quan như: phí mua bán, phí liên lạc, thuế và phí ngân hàng.

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này và được xử lý như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc niên độ được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu, phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ trong năm, được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam (VND) theo tỷ giá hạch toán là 17.500 VND/USD; 20.500 VND/EUR; 30.000 VND/GBP; 8.000 VND/AUD. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm giữa tỷ giá cố định nêu trên với tỷ giá thực tế được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bảo hiểm gốc được ghi nhận trên cơ sở phát hành hoá đơn giá trị gia tăng. Hoá đơn giá trị gia tăng được phát hành khi đơn bảo hiểm có hiệu lực và đã thu được tiền, hoặc đã đến hạn thanh toán mà Công ty chưa thu được tiền nhưng đánh giá rằng có thể thu được phí bảo hiểm. Các đơn bảo hiểm Công ty cho khách hàng nợ phí nhưng sau đó khách hàng không nộp phí theo đúng thoả thuận được xem là chưa phát sinh trách nhiệm bảo hiểm và Công ty chưa ghi nhận doanh thu đối với các đơn bảo hiểm này.

Doanh thu và chi phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trên cơ sở bản xác nhận thanh toán giữa Công ty với các nhà nhượng tái bảo hiểm.

Doanh thu và chi phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi Công ty nhận được bản xác nhận tái bảo hiểm của các nhà nhận tái bảo hiểm trên thông báo tái bảo hiểm của Công ty. Việc ghi nhận này của Công ty là theo hướng dẫn tại Thông tư số 156/2007/TT-BTC ngày 20/12/2007. Tuy nhiên, việc áp dụng chính sách này không đảm bảo tính phù hợp giữa doanh thu và chi phí theo Quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 01 "Chuẩn mực chung", ban hành kèm theo Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2002. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty đánh giá thận trọng và tin tưởng rằng việc ghi nhận như quy định tại Thông tư số 156 nêu trên là thận trọng hơn và phù hợp với đặc điểm hoạt động của Công ty.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DNBH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh trong năm và điều chỉnh cho một số khoản chi phí không được khấu trừ hoặc không được chấp thuận là chi phí hợp lý, hợp lệ để tính thuế, và các khoản lợi nhuận không chịu thuế như lãi công trái xây dựng Tổ quốc, lãi từ hoạt động đầu tư góp vốn đã nộp thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất là 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định Thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi tùy theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về Thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Dự phòng nghiệp vụ

Việc trích lập các quỹ dự phòng nghiệp vụ của Công ty trong năm 2009 được thực hiện như sau:

Dự phòng phí chưa được hưởng: Được tính bằng 25% phí giữ lại trong năm đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hoá và bằng 50% đối với các loại hình bảo hiểm khác.

Dự phòng bồi thường: Được Công ty thực hiện trích lập theo phương pháp từng hồ sơ đối với các tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm khách hàng đã khiếu nại nhưng chưa giải quyết. Mức trích lập dựa trên ước tính tổn thất phát sinh và phần trách nhiệm giữ lại của Công ty.

Đối với các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng khách hàng chưa thông báo (IBNR), Công ty trích lập dự phòng theo công thức đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 1394/BTC-QLBH ngày 6/2/2009 như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Dự phòng bồi thường} \\ \text{cho tổn thất đã phát} \\ \text{sinh nhưng chưa} \\ \text{thông báo hoặc chưa} \\ \text{yêu cầu bồi thường} \\ \text{cho năm tài chính} \\ \text{hiện tại (IBNR năm} \\ \text{hiện tại)} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Số tiền bồi thường cho tổn thất} \\ \text{đã phát sinh nhưng chưa thông} \\ \text{báo hoặc chưa yêu cầu bồi} \\ \text{thường cho năm tài chính trước} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Số tiền bồi thường phát sinh của} \\ \text{năm tài chính trước} \end{array}} \times \begin{array}{l} \text{Số tiền} \\ \text{bồi} \\ \text{thường} \\ \text{phát sinh} \\ \text{của năm} \\ \text{tài chính} \\ \text{hiện tại} \end{array} \times \frac{\begin{array}{l} \text{Doanh thu thuần hoạt} \\ \text{động kinh doanh bảo} \\ \text{hiểm của năm tài} \\ \text{chính hiện tại} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Doanh thu thuần hoạt} \\ \text{động kinh doanh bảo} \\ \text{hiểm của năm tài} \\ \text{chính trước} \end{array}}$$

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DNBH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Dự phòng nghiệp vụ (Tiếp theo)

Dự phòng dao động lớn: Mức trích dự phòng dao động lớn được áp dụng thống nhất đối với các loại hình nghiệp vụ là 3% phí giữ lại và được trích cho đến khi bằng 100% phí giữ lại.

Ngày 28/12/2005, Bộ Tài chính ban hành Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 19 “Hợp đồng Bảo hiểm” kèm theo Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC áp dụng từ năm 2006. Theo quy định của Chuẩn mực này, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, doanh nghiệp bảo hiểm không được trích lập các loại dự phòng để bồi thường trong tương lai nếu các yêu cầu đòi bồi thường phát sinh từ các hợp đồng này không tồn tại tại thời điểm khoá sổ lập báo cáo tài chính, trong đó bao gồm cả dự phòng dao động lớn. Tuy nhiên, theo Nghị định số 46/2007/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 27/03/2007 và Thông tư số 156/2007/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 20/12/2007, các doanh nghiệp bảo hiểm vẫn phải trích lập dự phòng dao động lớn.

Ký quỹ bảo hiểm

Công ty đã ký quỹ 2% trên vốn kinh doanh hoặc tối thiểu là 06 tỷ đồng theo quy định tại Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 03 năm 2008 của Chính phủ quy định chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Tiền gửi ngắn hạn tại các tổ chức tín dụng (*)	396.544.233.707	315.766.308.805
Cho vay ngắn hạn (**)	33.755.225.397	38.427.225.397
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	100.000.000	100.000.000
	430.399.459.104	354.293.534.202

(*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng đáo hạn trong vòng 12 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính và hưởng lãi suất tiền gửi từ 0,5%/tháng đến 1,1%/tháng.

(**) Là các khoản tiền cho vay ngắn hạn với lãi suất trung bình 1%/tháng.

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	63.795.927.893	51.341.122.318
Phải thu về hoạt động nhận tái bảo hiểm	15.265.403.297	-
Phải thu về hoạt động nhượng tái bảo hiểm	29.072.313.302	14.252.498.920
Phải thu hoạt động tài chính	9.960.188.653	5.051.490.006
	118.093.833.145	70.645.111.244

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Phải thu về tạm ứng bồi thường	20.797.190.965	34.823.887.916
Phải thu khác (*)	8.113.240.925	5.361.073.766
	28.910.431.890	40.184.961.682

(*) Trong đó có khoản Công ty đã tiến hành bồi thường cho Hồ sơ số 02/SGO/HHA/1120/0052 từ năm 2005 với số tiền là 3,8 tỷ đồng. Ngày 03/06/2008, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã tuyên bản án phúc thẩm số 393/2008/HSPT, quyết định chuyển trả Công ty số tiền 2,25 tỷ đồng do Cục cảnh sát điều tra - Bộ Công an thu hồi từ các đương sự. Trong năm 2008, Công ty đã thu hồi được số tiền 2,25 tỷ đồng nêu trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DNBH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. DỰ PHÒNG CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Dự phòng phải thu phí bảo hiểm gốc	1.504.856.719	1.000.229.653
Dự phòng phải thu cho vay quá hạn (*)	3.317.452.903	3.989.452.903
	4.822.309.622	4.989.682.556

(*) Đối với các khoản đầu tư cho vay quá hạn: Công ty đã trích lập theo hướng dẫn tại Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22 tháng 4 năm 2005 của Ngân hàng Nhà nước.

9. HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho tại thời điểm cuối năm chủ yếu là giá trị của vật phẩm khuyến mại phát sinh trong năm chưa được sử dụng tồn trong kho và tồn tại các đại lý chưa được sử dụng để khuyến mại cho khách hàng.

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2009	37.231.568.693	32.445.127.007	17.181.798.396	196.140.000	87.054.634.096
Tăng trong năm	7.826.359.145	6.965.857.065	3.248.400.326	279.734.200	18.320.350.736
Giảm trong năm	(150.000.000)	(1.132.228.394)	(840.555.336)	-	(2.122.783.730)
Tại ngày 31/12/2009	44.907.927.838	38.278.755.678	19.589.643.386	475.874.200	103.252.201.102
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUY KẾ					
Tại ngày 01/01/2009	7.115.573.360	15.632.461.923	12.852.396.359	112.043.167	35.712.474.809
Tăng trong năm	1.943.232.497	4.386.088.451	2.418.204.125	78.183.890	8.825.708.963
Giảm trong năm	(100.085.483)	(506.596.580)	(944.428.217)	-	(1.551.110.280)
Tại ngày 31/12/2009	8.958.720.374	19.511.953.794	14.326.172.267	190.227.057	42.987.073.492
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2009	35.949.207.464	18.766.801.884	5.263.471.119	285.647.143	60.265.127.610
Tại ngày 31/12/2008	30.115.995.333	16.812.665.084	4.329.402.037	84.096.833	51.342.159.287

11. ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN DÀI HẠN

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Đầu tư cổ phiếu	97.555.359.600	100.102.860.600
Đầu tư trái phiếu	15.023.600.000	173.600.000
Cộng	112.578.959.600	100.276.460.600
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(22.286.778.800)	(27.814.490.300)
Giá trị thuần khoản đầu tư chứng khoán dài hạn	90.292.180.800	72.461.970.300

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DNBH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất có kỳ hạn VND	Quyền sử dụng đất không kỳ hạn VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tài sản cố định vô hình VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2009	3.357.980.093	66.982.587.549	112.280.000	228.000.000	70.680.847.642
Tăng trong năm	-	4.989.000.000	-	-	4.989.000.000
Giảm do thanh lý	-	(1.667.337.515)	-	(228.000.000)	(1.895.337.515)
Tại ngày 31/12/2009	3.357.980.093	70.304.250.034	112.280.000	-	73.774.510.127
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ					
Tại ngày 01/01/2009	691.058.200	-	-	86.280.126	777.338.326
Trích khấu hao trong năm	103.078.214	-	9.356.667	10.054.126	122.489.007
Giảm do thanh lý	-	-	-	(35.308.252)	(35.308.252)
Tại ngày 31/12/2009	794.136.414	-	9.356.667	61.026.000	864.519.081
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2009	2.563.843.679	70.304.250.034	102.923.333	(61.026.000)	72.909.991.046
Tại ngày 31/12/2008	2.666.921.893	66.982.587.549	112.280.000	141.719.874	69.903.509.316

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

	Tỷ lệ	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Công ty Liên doanh TNHH Kho xăng dầu Ngoại quan Vân Phong	15%	78.820.650.000	12.902.490.000
		78.820.650.000	12.902.490.000

Căn cứ theo Hợp đồng liên doanh ngày 25 tháng 02 năm 2005 giữa Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam, Công ty Trách nhiệm hữu hạn PB Tankers và Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex về việc hợp tác liên doanh góp vốn vào Công ty Liên doanh TNHH Kho xăng dầu Ngoại quan Vân Phong.

Tỷ lệ góp vốn của Công ty trong vốn điều lệ của Kho xăng dầu Ngoại quan Vân Phong là 4.500.000 USD tương đương với 15%. Số vốn thực góp của Công ty đến ngày 31/12/2009 là 78.820 triệu đồng chiếm 15% vốn điều lệ. Kho xăng dầu ngoại quan Vân Phong đang trong quá trình đầu tư và Công ty chưa được cung cấp số liệu Báo cáo tài chính năm 2009. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng phần lỗ (nếu có) Công ty phải gánh chịu theo tỷ lệ vốn góp là không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng các khoản đầu tư này không bị suy giảm giá trị và không lập dự phòng giảm giá đầu tư.

14. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng trên 12 tháng	16.000.000.000	14.500.000.000
Bất động sản đầu tư (*)	3.843.690.000	3.843.690.000
Công ty CP Bất động sản Petrolimex	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty CP Tái bảo hiểm Quốc gia	16.807.000.000	16.807.000.000
	46.650.690.000	45.150.690.000

(*) Đây là giá trị quyền sử dụng đất được đầu tư tại Chi nhánh Quảng Bình với mục đích để bán trong tương lai.

Đối với Công ty CP bất động sản Petrolimex, Công ty chưa được cung cấp số liệu báo cáo tài chính năm 2009. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng phần lỗ (nếu có) Công ty phải gánh chịu theo tỷ lệ vốn góp là không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng khoản đầu tư này không bị suy giảm giá trị và không lập dự phòng giảm giá đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU B 09-DNBH

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Văn phòng công ty (*)	30.016.005.004	5.159.049.799
Chi nhánh Lào Cai	3.723.816.362	3.723.816.362
Chi nhánh Thái Bình	-	935.007.181
Chi nhánh Thanh Hóa	755.551.000	755.551.000
Chi nhánh Ninh Bình	3.517.352.116	639.043.298
Trung Tâm Cứu hộ	-	338.408.268
Chi nhánh Bình Dương	2.425.730.174	-
Chi nhánh Gia Lai	2.992.999.956	-
Chi nhánh Vĩnh Phúc	1.193.353.818	-
Chi nhánh Bắc Giang	978.217.131	-
Các chi nhánh khác	524.813.147	496.297.152
	46.127.838.708	12.047.173.060

(*) Đây là giá trị tiền ứng trước 30% theo hợp đồng mua văn phòng tại địa chỉ số 229 Tây Sơn, Hà Nội với Công ty Cổ phần Hóa dầu Quân đội.

16. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Phải trả về hoạt động bảo hiểm gốc	3.083.105.426	4.200.648.640
Phải trả hoạt động nhượng tái bảo hiểm	18.135.629.699	4.338.533.607
Phải trả khác	-	6.423.000
	21.218.735.125	8.545.605.247

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2009	31/12/2008
	VND	VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	8.894.183.781	8.144.093.581
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.126.096.520	5.835.524.411
Thuế nhà đất	19.064.460	25.388.460
Thuế thu nhập đại lý	2.074.086.882	2.284.029.058
Thuế thu nhập cá nhân	827.886.889	1.123.680.908
Thuế nhà thầu	81.266.646	24.460.718
Thuế khác	14.469.263	33.821.536
	17.037.054.441	17.470.998.672

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

Số dư các khoản phải trả khác trong đó chủ yếu là khoản Công ty Cổ phần Hóa dầu Quân đội ứng trước cho Công ty với số tiền 53.308.259.049 đồng. Theo đó, Công ty sẽ chuyển nhượng 10% vốn điều lệ của mình tại Công ty Liên doanh TNHH Kho xăng dầu ngoại quan Văn Phong cho Công ty Cổ phần Hóa dầu Quân đội. Đến thời điểm 31/12/2009 thủ tục chuyển nhượng vẫn chưa được thực hiện. Do đó, Công ty đang theo dõi khoản ứng trước của Công ty Cổ phần hóa dầu Quân đội trên khoản mục "Các khoản phải trả khác".

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM PETROLIMEX

532 đường Láng, quận Đống Đa,
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2009

MẪU B 09-DNBH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các huyết mình này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Nguồn vốn kinh doanh	Chênh lệch tỷ giá	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự trữ bất buộc	Lợi nhuận chưa phân phối	Quý khen thưởng phúc lợi	Đơn vị: VND
Tại ngày 01/01/2008	140.656.620.000	-	13.926.559.034	8.029.770.973	32.039.019.420	4.113.489.810	198.765.459.237
Vốn góp	197.815.380.000	-	-	-	-	-	197.815.380.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	42.589.639.575	-	42.589.639.575
Phân bổ lợi nhuận vào các quỹ	-	-	3.654.828.175	2.217.482.346	(9.165.149.599)	3.292.839.078	-
Thu khác	-	-	-	-	-	403.227.556	403.227.556
Chi cổ tức cho cổ đông	-	-	-	-	(21.376.893.400)	-	(21.376.893.400)
Chi trả từ các quỹ	-	-	-	-	-	(3.858.545.984)	(3.858.545.984)
Tại ngày 01/01/2009	338.472.000.000	-	17.581.387.209	10.247.253.319	44.086.635.996	3.951.010.460	414.338.286.984
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	45.091.487.641	-	45.091.487.641
Phân bổ lợi nhuận vào các quỹ (i)	-	-	2.128.184.951	2.249.400.948	(5.843.446.640)	1.465.860.741	-
Thu khác	-	-	-	-	-	2.472.228.575	2.472.228.575
Cổ phiếu quỹ	(149.880.000)	-	-	-	-	(149.880.000)	(149.880.000)
Chi cổ tức cho cổ đông (i)	-	-	-	-	(37.408.130.498)	-	(37.408.130.498)
Chi trả từ các quỹ	-	-	-	-	-	(3.050.749.217)	(3.050.749.217)
Thuế TNĐN từ các năm trước	-	-	-	-	(3.084.459.806)	-	(3.084.459.806)
Các khoản khác	-	1.020.285.672	-	-	(5.173.434)	-	1.015.112.238
Tại ngày 31/12/2009	338.322.120.000	1.020.285.672	19.709.572.160	12.496.654.267	42.836.913.259	4.838.350.559	419.223.895.917

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 15/5/2009, Công ty thực hiện phân chia các Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ dự trữ bắt buộc, Quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2008 với số tiền là 5.843.446.640 đồng và chia cổ tức với tỷ lệ 11% vốn điều lệ từ lợi nhuận năm 2008 tương đương với 37.408.130.498 đồng.

Việc phân phối lợi nhuận trong năm 2009 sẽ được trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Trong năm 2009, Công ty chưa tiến hành chia cổ tức của năm 2009

Theo Nghị quyết số 02/2009-NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/11/2009, Công ty đã thông qua phương án tăng vốn điều lệ lên 500 tỷ đồng bằng cách phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Cũng theo Nghị quyết này, Công ty đã thông qua việc niêm yết toàn bộ 50 triệu cổ phiếu của Công ty tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, thời điểm niêm yết do Hội đồng Quản trị quyết định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DNBH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Chi tiết Nguồn vốn kinh doanh như sau:	Số tiền thực góp tại 31/12/2009	Số tiền thực góp tại 31/12/2008
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	335.799.760.000	335.799.760.000
Thặng dư vốn cổ phần	3.496.950.000	3.496.950.000
Cổ phiếu quỹ	(974.590.000)	(824.710.000)
Cộng	338.322.120.000	338.472.000.000

20. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ

	31/12/2008 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	31/12/2009 VND
Dự phòng phí	399.576.600.040	106.207.947.625	-	505.784.547.665
Dự phòng bồi thường	54.348.769.963	1.020.599.000	-	55.369.368.963
Dự phòng dao động lớn (*)	91.179.447.730	31.715.468.714	-	122.894.916.444
	545.104.817.733	138.944.015.339	-	684.048.833.072

(*) Dự phòng dao động lớn được trích lập bằng 3% phí giữ lại trong năm 2009 (năm 2008 trích là 3% phí giữ lại trong năm 2008 với số tiền khoảng 25.650 triệu đồng). Tỷ lệ trích lập dự phòng dao động lớn của năm 2009 là phù hợp so với Thông tư số 156/2007/TT-BTC ngày 20/12/2007 của Bộ Tài chính.

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Doanh thu hoạt động tài chính ngắn hạn	48.238.550.985	69.110.202.135
Doanh thu đầu tư ngắn hạn cổ phiếu, trái phiếu	-	2.310.230.400
Doanh thu cho vay ngắn hạn	6.625.758.049	6.564.646.007
Doanh thu tiền gửi ngắn hạn	39.523.027.069	57.166.961.850
Doanh thu hoạt động Tài chính ngắn hạn khác	2.089.765.867	3.068.363.878
Doanh thu hoạt động tài chính dài hạn	10.706.208.380	12.932.379.434
Doanh thu đầu tư dài hạn cổ phiếu, trái phiếu	7.541.009.400	7.488.535.000
Doanh thu đầu tư dài hạn bất động sản	514.412.485	970.000.000
Doanh thu tiền gửi dài hạn	1.383.664.097	2.607.570.540
Doanh thu từ hoạt động góp vốn liên doanh	-	1.172.280.000
Doanh thu hoạt động tài chính dài hạn khác	1.267.122.398	693.993.894
	58.944.759.365	82.042.581.569

22. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Chi phí hoạt động tài chính ngắn hạn	4.684.985.721	595.854.808
Chi phí đầu tư ngắn hạn cổ phiếu	-	526.000.000
Chi phí cho vay ngắn hạn	-	63.107.851
Chi phí khác	4.684.985.721	6.746.957
Chi phí hoạt động tài chính dài hạn	(823.007.709)	28.502.003.048
Chi phí đầu tư dài hạn cổ phiếu	-	27.857.613.836
Hoàn nhập dự phòng đầu tư cổ phiếu	(823.007.709)	-
Chi phí khác	-	644.389.212
	3.861.978.012	29.097.857.856

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DNBH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. LỢI NHUẬN HOẠT ĐỘNG KHÁC

Lợi nhuận khác bao gồm thu nhập khác và chi phí khác, chủ yếu phản ánh doanh thu và chi phí của Trung tâm Cứu hộ Hải Phòng, là đơn vị được thành lập vào năm 2004, có chức năng cứu hộ, phục hồi, sửa chữa và thay thế thiết bị, phụ tùng xe cơ giới cho các khách hàng có xe bị tai nạn.

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2009 VND	2008 VND
Lợi nhuận trước thuế	57.619.033.055	55.000.250.299
Trừ thu nhập không chịu thuế (*)	8.069.209.400	11.347.126.756
Trừ lợi nhuận hoạt động chuyển quyền sử dụng đất	514.412.485	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ (**)	560.358.000	393.600.000
Điều chỉnh khác	-	154.852
Lợi nhuận tính thuế	49.595.769.170	44.046.878.395
Thuế suất thuế TNDN thông thường	25%	28%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm	12.398.942.293	12.333.125.951
Thuế TNDN bổ sung cho hoạt động chuyển quyền sử dụng đất	128.603.121	77.464.773
Tổng thuế thu nhập phát sinh trong năm	12.527.545.414	12.410.590.724

(*) Thu nhập không chịu thuế được điều chỉnh cho các khoản thu nhập từ lãi cổ tức được chia.

(**) Các khoản chi phí không được khấu trừ là khoản chi thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị không trực tiếp tham gia hoạt động điều hành kinh doanh của Công ty.

25. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

	2009 VND	2008 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	45.091.487.641	42.589.659.575
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	45.091.487.641	42.589.659.575
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	33.503.496	31.903.441
Lãi trên cổ phiếu	1.346	1.335

26. BIÊN KHẢ NĂNG THANH TOÁN

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
I. Biên khả năng thanh toán (I=(1)-(2)-(3)-(4))	222.826.337.906	236.646.263.390
1. Chênh lệch giữa giá trị tài sản và các khoản nợ phải trả	419.223.895.917	414.338.286.984
2. Trừ các tài sản được chấp nhận toàn bộ giá trị hạch toán	-	-
3. Trừ các tài sản bị loại trừ toàn bộ giá trị hạch toán	128.205.520.626	116.984.711.302
4. Trừ các tài sản bị loại trừ một phần giá trị hạch toán	68.192.037.385	60.707.312.292
II. Biên khả năng thanh toán tối thiểu [Giá trị lớn hơn giữa (a) và (b)]	264.054.949.007	213.944.591.947
(a) 25% Tổng phí bảo hiểm giữ lại	264.054.949.007	213.944.591.947
(b) 12,5% Tổng phí bảo hiểm gốc và phí nhận tái bảo hiểm	173.648.654.340	141.500.071.430
III. So sánh (I) và (II)		
Theo số tuyệt đối	(41.228.611.101)	22.701.671.443
Theo tỷ lệ phần trăm	84,39%	110,61%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DNBH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

27. ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2009	Năm 2008
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
1.1 Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản cố định và đầu tư dài hạn/Tổng tài sản	%	32,76	27,01
- Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn/Tổng tài sản	%	67,24	72,99
1.2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	66,04	59,17
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	33,96	40,83
2. Khả năng thanh toán			
2.1 Khả năng thanh toán hiện hành	lần	1,51	1,69
2.2 Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	6,39	13,63
2.3 Khả năng thanh toán nhanh	lần	4,89	10,66
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế / Doanh thu	%	4,90	5,51
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Doanh thu	%	3,83	4,27
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế / Tổng tài sản	%	4,67	5,42
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	%	3,65	4,20
3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Nguồn vốn chủ sở hữu	%	10,76	10,28

28. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch trọng yếu sau với Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam:

	2009 VND	2008 VND
Doanh thu phí bảo hiểm gốc	71.091.018.522	71.866.057.733
Chi phí bồi thường bảo hiểm gốc	276.284.532	13.600.000
Chia lãi cổ tức	-	12.852.000.000

Số dư cuối năm với Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam như sau:

	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
Phải thu Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam	8.161.338.321	8.014.471.025
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc		
	2009 VND	2008 VND
Lương, thưởng	1.514.400.000	1.262.483.516

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DNBH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

29. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Theo Công văn số 15861/BTC-TCT ngày 26/12/2008 của liên Bộ Tài Chính và Tổng Cục thuế về *Chính sách thuế đối với phí Tái bảo hiểm ra nước ngoài* thì các công ty bảo hiểm tại Việt Nam thực hiện nghiệp vụ tái bảo hiểm ra nước ngoài đối với các dịch vụ bảo hiểm cho tổ chức, cá nhân tại Việt Nam thì Công ty ở nước ngoài nhận tái bảo hiểm thuộc đối tượng nộp thuế nhà thầu (thuế thu nhập doanh nghiệp) với tỷ lệ là 2% tính trên phí tái bảo hiểm ra nước ngoài theo quy định tại Thông tư số 05/2005/TT-BTC ngày 1/11/2005.

Kể từ ngày 1/1/2009, thuế nhà thầu áp dụng cho hoạt động nhượng tái bảo hiểm ra nước ngoài được điều chỉnh tại Thông tư số 134/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31/12/2008 cũng quy định tỷ lệ thuế nhà thầu vẫn là 2% tính trên phí tái bảo hiểm ra nước ngoài.

Hiện tại, Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam (đại diện cho các công ty bảo hiểm) đang tiến hành làm việc với Bộ Tài chính và Tổng Cục thuế về căn cứ tính thuế nhà thầu phải nộp theo quy định tại Công văn số 15861/BTC-TCT nêu trên. Việc xác định số thuế phải nộp của Công ty (nếu có) sẽ căn cứ vào quyết định cuối cùng của Bộ Tài chính và Tổng Cục thuế. Số thuế nhà thầu đã tạm tính cho năm 2009 là 1.625.203.023 đồng.

30. VỤ VIỆC PHÁP LÝ CÓ LIÊN QUAN

Trong năm 2005, cơ quan cảnh sát điều tra đã tiến hành khởi tố điều tra vụ việc Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex đã thanh toán chi trả bồi thường bảo hiểm cho Việt Thái Phong với giá trị 3,8 tỷ đồng có dấu hiệu trục lợi bảo hiểm. Ngày 03/06/2008, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã tuyên bản án phúc thẩm số 393/2008/HSPT, quyết định chuyển trả Công ty số tiền 2,25 tỷ đồng do Cục cảnh sát điều tra - Bộ Công an thu hồi từ các đương sự. Trong năm 2008, Công ty đã thu hồi số tiền 2,25 tỷ đồng từ việc thi hành án.

Ngày 13 tháng 4 năm 2009, Công ty đã nhận được Thông báo số 256/TB-TLVA của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về việc thụ lý vụ án Công ty Xăng dầu Hàng không Việt Nam yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại và chi phí khắc phục hậu quả vụ tổn thất Kho Xăng dầu Hàng không Liên Chiểu ngày 16 tháng 10 năm 2008 với tổng số tiền đòi bồi thường là 25,626 tỷ đồng. Đến thời điểm này, vụ án vẫn đang được giải quyết và chưa có quyết định cuối cùng của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Là số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 đã được kiểm toán.